

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA **K21 HỆ ĐẠI HỌC**
ĐÃ HOÀN THÀNH BỐN HỌC PHẦN MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐỐI VỚI HỆ ĐẠI HỌC
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH HỆ ĐẠI HỌC
Ban hành kèm theo Quyết định số: / QĐ - ĐHDT, ngày tháng năm 2018

KHÓA: K21 ĐẠI HỌC

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	HP4	ĐTB	XL	N.SINH	G.CHỨC
1	2120233769	01BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị	Thanh	21/03/1997	K21UIU-QTC	7.3	7.8	6.8	8.3	7.6	K	Quảng Nam	
2	2121219561	02BSQP/K21ĐH	Nguyễn Vĩnh	An	31/10/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.8	6.8	7.3	7.4	K	Quảng Nam	
3	2121210404	03BSQP/K21ĐH	Trần Châu Quốc	Bảo	20/01/1997	K21UIU-QTH	8.3	7.8	8.3	8.3	8.2	G	Đà Nẵng	
4	2121718650	04BSQP/K21ĐH	Phạm Trương	Bảo	04/09/1996	K21UIU-QTH	7.8	7.3	6.3	7.3	7.2	K	Đà Nẵng	
5	2120219562	05BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	25/02/1997	K21UIU-QTH	7.3	8.3	7.8	8.3	7.9	K	Quảng Ngãi	
6	2120217645	06BSQP/K21ĐH	Trần Thị Mỹ	Duyên	14/07/1997	K21UIU-QTH	7.3	8.3	7.8	7.8	7.8	K	Quảng Bình	
7	2120216996	07BSQP/K21ĐH	Phạm Thị	Hiếu	20/08/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.8	7.8	7.7	K	Quảng Nam	
8	2121316818	08BSQP/K21ĐH	Đặng Công Quốc	Huy	20/06/1996	K21UIU-QTH	7.3	7.3	7.8	7.8	7.6	K	Đà Nẵng	
9	2121210411	09BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hữu	Huy	11/10/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.3	7.8	7.6	K	Đà Nẵng	
10	2121219179	10BSQP/K21ĐH	Mai Xuân	Huy	08/05/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.8	7.8	7.8	7.8	K	Đà Nẵng	
11	2120217102	11BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị	Lệ	16/06/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.8	7.8	7.7	K	Quảng Nam	
12	2120217484	12BSQP/K21ĐH	Văn Thị Hồng	Nhung	21/08/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	6.8	7.8	7.4	K	TT Huế	
13	2121217638	13BSQP/K21ĐH	Lê Duy	Phước	28/05/1996	K21UIU-QTH	7.8	7.3	7.8	7.8	7.7	K	TT Huế	
14	2120110406	14BSQP/K21ĐH	Trần Thị Diễm	Phước	10/02/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.3	7.8	7.3	7.6	K	Quảng Nam	
15	2121218468	15BSQP/K21ĐH	Trần Anh	Phương	04/03/1996	K21UIU-QTH	7.8	7.8	7.8	7.8	7.8	K	Đà Nẵng	
16	2121210403	16BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thành	Quân	21/06/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.3	7.3	7.4	K	Phú Yên	
17	2120216789	17BSQP/K21ĐH	Nguyễn Nhật	Quỳnh	25/12/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.8	7.3	7.3	7.6	K	Đà Nẵng	
18	2120218245	18BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	06/08/1997	K21UIU-QTH	7.8	8.3	8.3	8.3	8.2	G	Đà Nẵng	
19	2120217646	19BSQP/K21ĐH	Trần Thị Thanh	Thảo	01/01/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.8	7.8	7.8	7.8	K	Quảng Nam	
20	2121517191	20BSQP/K21ĐH	Dương Văn	Thọ	05/04/1996	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.8	6.3	7.3	K	Đà Nẵng	
21	2120218470	21BSQP/K21ĐH	Tô Thị Bảo	Thoa	14/08/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.8	7.8	7.7	K	Thanh Hóa	
22	2120217644	22BSQP/K21ĐH	Huỳnh Phương Thảo	Vy	15/03/1997	K21UIU-QTH	7.3	7.8	7.8	7.8	7.7	K	Đà Nẵng	
23	2120219119	23BSQP/K21ĐH	Hoàng	Yến	02/09/1997	K21UIU-QTH	7.8	7.3	7.8	7.8	7.7	K	Quảng Trị	
24	2120119656	24BSQP/K21ĐH	Hồ Thị	Diễm	21/12/1997	K21UIU-TPM	7.8	8.4	7.3	7.3	7.7	K	Quảng Nam	
25	2121118036	25BSQP/K21ĐH	Võ Nguyên Thiên	Định	21/01/1997	K21UIU-TPM	7.3	8.4	7.3	7.0	7.5	K	Quảng Nam	
26	2121219655	26BSQP/K21ĐH	Trần Phước	Hiệp	12/12/1997	K21UIU-TPM	7.6	7.9	7.3	7.3	7.5	K	Đà Nẵng	
27	2121628586	27BSQP/K21ĐH	Trần Tiến	Hiệp	04/05/1996	K21UIU-TPM	8.0	7.9	7.0	6.8	7.4	K	Quảng Bình	
28	2121127515	28BSQP/K21ĐH	Lê Nhật	Hưng	11/02/1997	K21UIU-TPM	6.6	8.4	6.3	6.8	7.0	K	Đà Nẵng	
29	2120210409	29BSQP/K21ĐH	Thái Thị Mỹ	Hương	15/02/1997	K21UIU-TPM	8.3	7.6	7.0	6.8	7.4	K	Quảng Nam	
30	2121117311	30BSQP/K21ĐH	Phạm Văn Đạt	Huy	25/04/1997	K21UIU-TPM	7.4	7.6	7.0	6.5	7.1	K	Đà Nẵng	
31	2121116995	31BSQP/K21ĐH	Võ Trung	Kha	10/10/1996	K21UIU-TPM	7.5	7.9	7.3	6.8	7.4	K	Quảng Nam	
32	2121117579	32BSQP/K21ĐH	Bùi Văn	Khoa	02/12/1997	K21UIU-TPM	7.0	7.4	7.0	6.5	7.0	K	Quảng Ngãi	
33	2121117581	33BSQP/K21ĐH	Trần Công	Minh	10/02/1997	K21UIU-TPM	8.3	7.5	7.8	7.0	7.7	K	Quảng Bình	

34	2121117325	34BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hữu Hoàn	Phúc	07/08/1997	K21UIU-TPM	6.3	7.6	7.0	6.5	6.9	TBK	Đà Nẵng	
35	2121117580	35BSQP/K21ĐH	Nguyễn Văn	Phúc	02/11/1997	K21UIU-TPM	7.8	7.4	7.0	6.5	7.2	K	Quảng Nam	
36	2121110401	36BSQP/K21ĐH	Đặng Văn Bảo	Phúc	28/09/1997	K21UIU-TPM	6.6	7.1	7.0	6.5	6.8	TBK	Đà Nẵng	
37	2120110407	37BSQP/K21ĐH	Võ Thị	Tâm	08/07/1997	K21UIU-TPM	8.5	7.9	7.8	6.5	7.7	K	Quảng Nam	
38	2121116654	38BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hoàng Nhật	Thảo	08/11/1997	K21UIU-TPM	7.5	8.1	7.0	7.0	7.4	K	TT Huế	
39	2120117100	39BSQP/K21ĐH	Lê Thị Thanh	Thúy	04/04/1997	K21UIU-TPM	7.6	8.2	7.5	7.3	7.7	K	Quảng Nam	
40	2121116652	40BSQP/K21ĐH	Lê Viết	Triều	08/01/1997	K21UIU-TPM	7.6	7.6	7.0	6.8	7.3	K	Đà Nẵng	
41	2121118443	41BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hữu	Vị	18/07/1997	K21UIU-TPM	7.3	7.9	7.0	7.0	7.3	K	Phú Yên	

STT	MSSV	SVS	HỌ VÀ	TÊN	NG.SINH	LỚP	HP1	HP2	HP3	ĐTB	XL	I.SINH	G.CHÚ	TT s
1	2121117138	42BSQP/K21ĐH	Nguyễn Huỳnh	An	05/06/1997	K21ADH	7.0	8.0	7.5	7.5	K	Đà Nẵng		1
2	2120866093	43BSQP/K21ĐH	Nguyễn Hà Phương	Anh	04/01/1996	K21VLK	7.2	7.8	7.5	7.5	K	ảng Bình		2
3	2121176424	44BSQP/K21ĐH	Trần Thanh	Bình	03/09/1997	K21EDT	7.8	7.3	7.1	7.4	K	DakLak		3
4	2121514905	45BSQP/K21ĐH	Dương Đình	Đạt	06/06/1997	K21XDD	7.6	6.5	7.8	7.3	K	ảng Nam		4
5	2120867335	46BSQP/K21ĐH	Arát Thị Hương	Giang	20/10/1997	K21VLK	7.8	7.3	7.5	7.5	K	ảng Nam		5
6	2120313187	47BSQP/K21ĐH	Lê Dương Quỳnh	Hạ	12/03/1995	K21NAD	7.6	7.3	7.3	7.4	K	Đà Nẵng		6
7	2120249154	48BSQP/K21ĐH	Lưu Thị Mĩ	Hằng	07/12/1997	K21PSU_QNH	7.8	7.3	7.0	7.4	K	ảng Bình		7
8	2120219756	49BSQP/K21ĐH	Huỳnh Thị Thu	Hiền	02/11/1996	K21QTH	8.0	7.1	7.5	7.5	K	hú Yên		8
9	2121126327	50BSQP/K21ĐH	Nguyễn Quang	Huy	15/12/1996	K21CMU_TPM	7.3	6.8	6.9	7.0	K	Đà Nẵng		9
10	2120114217	51BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị Tuyết	Kim	07/11/1997	K21ADH	7.0	8.0	7.3	7.4	K	inh Định		10
11	2121114119	52BSQP/K21ĐH	Nguyễn Huỳnh	Lân	11/11/1997	K21CMU_TPM	6.8	6.3	7.1	6.7	TBK	Đà Nẵng		11
12	1921126431	53BSQP/K21ĐH	Nguyễn Duy	Linh	26/01/1995	K21CMU_TPM	7.2	5.5	6.8	6.5	TBK	Đà Nẵng		12
13	2120717415	54BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	17/11/1997	K21DLK	6.8	6.8	7.1	6.9	TBK	inh Định		13
14	2120315181	55BSQP/K21ĐH	Nguyễn Thị Thu	Nga	08/06/1997	K21NAB	8.0	6.5	7.5	7.3	K	ảng Nam		14
15	2120519278	57BSQP/K21ĐH	Lê Thị Ngọc	Nguyên	06/10/1997	K21XDD	7.3	7.8	7.3	7.5	K	Đà Nẵng		16
16	2120215470	58BSQP/K21ĐH	Huỳnh Thị	Nhi	02/07/1997	K21QTH	8.0	6.8	8.0	7.6	K	àm Đồng		17
17	2120316870	59BSQP/K21ĐH	Lâm Đàm Minh	Tâm	12/01/1996	K21NAD	8.0	8.0	8.0	8.0	G	Đà Nẵng		18
18	2121519173	60BSQP/K21ĐH	Nguyễn Nhật Giang	Thanh	30/10/1997	K21XDD	6.8	8.0	7.3	7.4	K	Gia Lai		19
19	2121116379	61BSQP/K21ĐH	Nguyễn Nhật	Thành	24/11/1996	K21TMT	8.0	8.0	7.3	7.8	K	uảng Trị		20
20	2120253801	62BSQP/K21ĐH	Hà Thị Thu	Thảo	18/06/1997	K21KDN	6.8	7.3	7.1	7.1	K	Đà Nẵng		
21	2120315316	63BSQP/K21ĐH	Đặng Thị Hoàng	Tiên	03/03/1997	K21NAB	8.0	8.0	6.5	7.5	K	Đà Nẵng		
22	2120258630	64BSQP/K21ĐH	Đậu Thị	Trang	17/07/1997	K21KKT	6.3	8.1	7.5	7.3	K	inh Bình		

TT.GDTC - QP

PHÒNG. KHTC

P.ĐÀO TẠO ĐH & SDH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Đức Trọng

Phan Phụng Hội

TS. Nguyễn Phi Sơn

PGS. TS Lê Đức Toàn